TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 373/2023/DS-PT
Ngày 28 – 09 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Bằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 236/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng K1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Công L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tô Hiến Thành khóm 8 phường 5 thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1954 (Tên gọi khác: Trần Hữu H); Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn L (Tên gọi khác: Trần Hữu L).

2. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1958.

Người đại diện hợp pháp của bà H2: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1954 (Giấy uỷ quyền ngày 29/12/2022).

3. Anh Trần Tuấn K2, sinh năm 1988.

4. Anh Trần Văn T1.

5. Anh Trần Văn N1.

6. Chị Trần Thị T2.

7. Anh Trần Hữu C.

8. Anh Trần Hữu B.

9. Chị Đoái Kiều L1.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

10. Ngân hàng N(gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Tr – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện T, tỉnh C. (Theo Quyết định ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N).

Người được ông Trạng ủy quyền lại: Ông Đỗ Văn Nh– Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh huyện T, tỉnh C. (Theo Quyết định ủy quyền số: 133/NHNo-TH ngày 02/3/2023).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Hồng K1 là nguyên đơn trong vụ án.

(Ông L, ông H1 có mặt, những người liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, lời trình của nguyên đơn và tại phiên toà:*

Nguồn gốc đất của ông Lê Văn Thế (Chết 1970) và bà Định Thị Khá khai phá. Năm 1991 bà Khá kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 10.600 m^2 – tại thửa số 564, 562 – tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/11/1991. Phần đất tranh chấp tại thửa 562 theo đo đạc thực tế 639,7m^2 nằm liền kề với phần đất của gia đình ông H1. Năm 1991 có phát sinh tranh chấp với gia đình ông H1, bà Khá có báo với chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành, không có làm biên bản giấy tờ, bà Khá không có yêu cầu gì, đến năm 2015 thì bà Khá tiếp tục tranh chấp nhưng không có yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Năm 2016 bà Khá tặng cho bà K1 toàn bộ 02 thửa đất 564, 562, từ năm 2016 bà K1 quản lý và sử dụng phần đất đến năm 2018 thì tiếp tục phát sinh tranh chấp với gia đình ông H1, bà K1 nộp đơn yêu cầu chính quyền ấp giải quyết nhưng không được giải quyết (việc này không có gì chứng minh), đến năm 2021 thì bà K1 đi phát cỏ bờ thì gia đình ông H1 ngăn cản và còn có hành vi hâm dọa. Bà K1 yêu cầu đến chính quyền và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc hòa giải nhưng không thành).

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông H1 và bà H2 trả diện tích đất tranh chấp đất theo đo đạc thực tế 639,7m^2. Yêu cầu ông H1 và bà H2 trả lại toàn bộ tiền chi phí tố tụng.

** Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:*

Nguồn gốc phần đất ông đang sử dụng là của ông Trần Văn Kếu (chết) và bà Lê Thị Hoa (chết) khai phá, quá trình quản lý và sử dụng đất thì ông H1 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Trần Văn Thời cấp cho hộ gia đình gồm có ông H1, vợ Phạm Thị H2, các con Trần Văn T1, Trần Văn N1, Trần Thị T2, Trần Hữu Lập, Trần Hữu C, Trần Hữu B. Vợ chồng ông H1 hiện đang ở chung với Trần Hữu B và con dâu Đoái Kiều L1. Phần đất của gia đình ông nằm liền kề với phần đất của bà K1, theo đường thẳng. Phần đất này cha, mẹ ông quản lý sử dụng từ năm 1964 cho đến nay. Từ năm trước năm 2020 thì không có tranh chấp. ông và bà K1 tranh chấp từ năm 2021. Phần đất của bà Khá tặng cho các con là Lê Hồng K1, Lê Thị Phận, Lê Hồng Hiếm. Năm 2021 Ủy ban nhân dân xã hòa giải không thành. Phần đất tranh chấp hiện trạng là toàn bộ phần bờ (do gia đình ông H1 quản lý và sử dụng từ trước cho đến nay). Các cây trồng trên đất tranh chấp trước giờ ông H1 và gia đình ông H1 khai thác, hiện nay vẫn còn gốc cây. Quyền sử dụng đất là quyền lợi chung của hộ gia đình. Phần đất tranh chấp ông H1 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền. Đối với phần đất tranh chấp giữa ông H1 và bà Phận được xác định có diện tích 795,9m^2, ông H1 xác định không có yêu cầu giải quyết trong vụ án, trường hợp sau này thoả thuận không được sẽ yêu cầu khởi kiện sau.

Nay không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K1.

- *Đối với người liên quan vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- *Lời trình bày của bà Lê Thị Phận:* Toà án hiện đang thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Hồng K1 với ông Trần Văn H1, quá trình đo đạc thực tế xác định được giữa bà Phận với ông Trần Văn H1 có tranh chấp phần đất 795,9 m^2. Bà Phận xác định không có yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án (vì hiện nay chưa có đủ điều kiện để khởi kiện), bà sẽ liên hệ với ông H1 thoả thuận trước, nếu không thoả thuận được và có điều kiện thì bà sẽ khởi kiện vụ án khác. Phần đất tranh chấp giữa bà K1 và ông H1 thì không có liên quan gì đến quyền lợi của bà và gia đình.

- *Lời trình bày của bà Trần Thị Thu Phương tại tờ tường thuật ngày 15/5/2023 có tại hồ sơ:* Vào năm 2017 bà Phượng có mướn đất của bà Đinh Thị Khá canh tác. Theo hiểu biết của bà Phượng thì phần bờ tranh chấp giữa bà Khá và ông Trần Văn H1 là của bà Khá, vì bà Phượng phát bờ chở lúa ông H1 không có ngăn cản và không cũng không có ý kiến đối với phần bờ.

- *Lời trình bày của bà Trương Thị Tuyết tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 28/4/2023 có tại hồ sơ:* Bà Tuyết ở cặp ranh đất với ông Trần Văn H1. Theo sự hiểu biết của bà thì phần đất của bà Khá và ông H1 cặp ranh đất với nhau, phần đất vợ chồng bà Khá sử dụng, sau đó giao lại cho vợ chồng Bảy Tôi sử dụng và hiện nay là bà K1. Thực tế thì bà K1 sử dụng quản lý phần mương giáp phần bờ của ông H1 quản lý sử dụng có trồng tràm và bạch đằng.

- *Lời trình bày của ông Ngô Văn Long tại biên bản lấy lời khai của người*

làm chứng ngày 10/4/2023 có tại hồ sơ: Vợ ông Long tên Trần Thị Lợi là bà con chị em bạn dì với bà Lê Hồng K1. Ông Long ở cặp ranh đất của bà Khá. Nguồn gốc phần đất ruộng bà K1 quản lý và sử dụng hiện nay là của vợ chồng bà Khá, sau đó giao lại cho ông Bảy Tôi và hiện nay là bà K1. Phần đất ruộng bà K1 quản lý sử dụng từ trước đến giờ không có bờ, phần ruộng của bà K1 nằm cặp với phần bờ của ông H1 đào trước đó, phần bờ do gia đình ông H1 trực tiếp quản lý và sử dụng từ trước đến nay.

- *Lời trình bày của ông Trần Văn Sự tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 10/4/2023 có tại hồ sơ:* Vợ ông Sự tên Trần Thị Vốn, bà Vốn là anh em bà con chú bác ruột với ông Trần Văn H1, bà Vốn là cháu bà Lê Hồng K1 (mẹ bà Vốn là chị em bà con bạn dì ruột với bà K1). Ông Sự sinh sống ở ấp Rạch Ruộng C đã trên 40 năm. Gia đình ông Sự sống lân cận với gia đình bà Khá và gia đình ông H1. Theo ông Sự biết thì phần đất của bà K1 là của bà Khá, phần đất ruộng hiện nay bà K1 canh tác là trước đó của bà Khá sử dụng sau đó giao lại cho ông Tôi và hiện nay chuyển quyền cho bà K1. Phần đất bà K1 quản lý và sử dụng thì sử dụng đến phần mương cặp với bờ của ông H1, bên bà K1 không có bờ, phần bờ ông H1 và gia đình trực tiếp quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Ông Sự xác định phần đất ruộng của bà K1 chỉ có mương chứ không có bờ, phần bờ cặp mương của bà K1 là của gia đình ông H1.

- *Lời trình bày của ông Cao Thanh Gương (Trưởng ấp Rạch Ruộng C) tại biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và kết hợp thẩm định giá tài sản ngày 27/02/2023 có tại hồ sơ:* Theo hiểu biết của địa phương thì phần đất tranh chấp thì từ trước đến giờ gia đình ông H1 quản lý và sử dụng, đối với cây trồng trên đất thì không xác định được của ai.

- *Biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và kết hợp thẩm định giá tài sản ngày 27/02/2023, thể hiện:* Trên phần đất tranh chấp ở khoảng đoạn giữa phần đất tranh chấp có 01 cây Tràm đường kính 20 cm và 01 cây Bạch Đàn đường kính 10 cm, ở đoạn đầu phần đất tranh chấp có 01 cây Bạch Đàn đường kính 10 cm và 01 cây Tràm đường kính 15 cm.

- *Bản vẽ trích đo hiện trạng tháng 3/2023 của Chi nhánh công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau, thể hiện:* Diện tích đất tranh chấp giữa bà Lê Hồng K1 và ông Trần Văn H1 có diện tích 639,7m^2.

- *Chứng thư thẩm định giá số: 115/2023/CT – TĐG ngày 21/4/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt, thể hiện:*

Giá trị đất tranh chấp là 65.000 đồng/m^2 tổng trị giá 41.580.500 đồng. Phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị Phận với ông Trần Văn H1 có giá 51.733.500 đồng. Các cây trồng trên phần đất tranh chấp giữa bà K1 và ông H1 có giá 630.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 215/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng K1 về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H1 (Tên gọi khác: Trần Hữu H1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2 trả phần đất tranh chấp có diện tích 639,7 m^2 – đất tọa lạc tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng tháng 3/2023 của Chi nhánh công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau (kèm theo)).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/7/2023, bà Lê Hồng K1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của nguyên đơn và bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Hồng K1 còn trong hạn luật định. Phần đất nguyên và bị đơn tranh chấp theo mảnh trích đo đạc ngày 27/2/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tấn Cường có diện tích 639,7m^2 thực trạng là bờ đất, ranh giới giữa bà K1 và ông H1 loại đất nuôi trồng thủy sản. Bà K1 cho là nếu đất của ông H1 thì bà đi kiện làm gì, thứ hai đất của bà dư so với giấy chứng nhận là do đo đạc, thứ ba gia đình bà sử dụng ông H1 cũng không có ý kiến.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phần đất có diện tích đất 378m^2. Quá trình xem xét giải quyết vụ án sau khi đo đạc các đương sự cùng xác định vị trí đất tranh chấp trên bản vẽ thực tế được xác định có diện tích 639,7m^2. Mặc dù có sự chênh lệch về mặt số liệu, nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ diện tích đất, cho nên vẫn trong phạm vi yêu cầu khởi kiện và được xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có tranh chấp được xác định có hiện trạng là phần bờ ranh giới của hai bên, trên phần bờ có 02 cây tràm và 02 cây bạch đàn. Về nguồn gốc Bà Đinh Thị Khá được UBND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp GCNQSDĐ số: A 201710 ngày 02/11/1991 đối với diện tích đất 10.600m^2 - tại các thửa đất 562 (9.600 m^2), 564 (1.000 m^2)- tờ bản đồ số 4. Ngày 18/7/2016 bà Khá tặng cho bà Lê Hồng K1 được cập nhật và chỉnh lý tại trang 4. Thửa đất có tranh chấp là thửa 562 có diện tích 9.600 m^2, theo đo đạc thực tế có diện tích 10.354,4 m^2. Hiện bà K1 đang sử dụng (chưa tính phần đất tranh chấp). thửa đất 548 của ông Trần Văn H1 có diện tích 27.400 m^2, thửa đất theo đo đạc thực tế có diện tích 26.663,1m^2 (chưa tính phần đất tranh chấp). Như vậy, về mặt số liệu thì phần đất thực tế bà K1 đang quản lý và sử dụng là thừa so với diện tích đất được cấp theo GCNQSDĐ là 754,4 m^2, còn phần đất của ông H1 quản lý và sử dụng là thiếu 736,9 m^2 (nếu cộng luôn phần đất tranh chấp thì vẫn thiếu 97,2 m^2).

[4] Căn cứ vào lời trình bày của các người làm chứng thì xác định được phần đất bờ tranh chấp do ông H1 và gia đình quản lý và sử dụng từ trước cho đến nay. Chỉ riêng cá nhân bà Phượng xác định phần bờ là của bà K1, nhưng ông H1 không

thừa nhận có việc bà Phượng sử dụng phần bờ để chở lúa. Bà K1 không chứng minh được các người làm chứng có mâu thuẫn với bà K1 và lời khai của họ gây bất lợi cho bà K1 về cây trồng trên đất cũng chính ông H1 khai thác bà K1 không có phản ứng gì. Nên lời khai của các người làm chứng được xem là chứng cứ được thu thập hợp pháp để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do đó, có căn cứ chứng minh được phần bờ ông H1 và gia đình quản lý và sử dụng từ trước cho đến nay (Vấn đề này lời khai ban đầu của bà K1 đã thừa nhận tại "Biên bản hòa giải ngày 03/01/2023, bút lục số 45 - 46") Tại tòa phúc thẩm bà cho là do thời điểm này bà bị tăng huyết áp, nên không nhớ rõ lời trình bày của mình.

[5] Bà K1 cho rằng cây trồng trên phần đất tranh chấp là do bà K1 trồng, những cây trồng trên phần đất bà không biết ai đã khai thác, bà K1 không có yêu cầu chính quyền địa phương mà nhờ bà Phận trình báo dùm (Bà K1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chính quyền địa phương có lập biên bản xử lý), ông H1 cho rằng ông và gia đình ông trực tiếp khai thác các cây trồng trên đất tranh chấp. Như vậy, có thể xác định được việc khai thác các cây trồng trên phần đất tranh chấp là do ông H1 và gia đình thực hiện một cách công khai và ngay tình mà bà K1 và gia đình không có ý kiến phản đối. Theo lời trình bày của ông Sự là người sống gần phần đất ông Gương là trưởng ấp xác định bờ là của ông H1. Do đó, chứng minh được các cây trồng trên phần đất tranh chấp là của gia đình ông H1 trồng từ trước cho đến nay. Bà K1 có cho là phần đất của bà K1 mặt hướng Đông là 75,29 mét, mặt hướng Tây là 76,04 mét kích thước này do cán bộ địa chính cho bà biết, nhưng không có tài liệu nào để chứng minh cho việc này, bà K1 căn cứ vào bản trích đo vẽ bản đồ 229 (BL 6) được viết tay chữ số màu xanh để khởi kiện ông H1 là không có cơ sở. Vì vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà K1 là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, để chứng minh cho việc kháng cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn có dự nộp tiền chi phí tố tụng bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc và chi phí sao lục hồ sơ với tổng số tiền 20.411.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải tự chịu.

[8] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Hồng K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng. Bà Lê Hồng K1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền là 378.000 đồng. Đối trừ được nhận lại 78.000 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Lê Hồng K1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng K1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng K1 về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H1 (Tên gọi khác: Trần Hữu H1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2 trả phần đất tranh chấp có diện tích 639,7 m^2 – đất tọa lạc tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C ..

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng tháng 3/2023 của Chi nhánh công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau (kèm theo)).

2. Chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Hồng K1 tự chịu số tiền là 20.411.000 đồng (đã nộp và thực hiện xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn bà Lê Hồng K1 phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Nguyên đơn bà Lê Hồng K1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 378.000 đồng theo biên lai thu số: 0005794 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ. Bà Lê Hồng K1 được nhận lại số tiền 78.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Hồng K1 phải nộp 300.000 đồng. Ngày 17/7/2023, bà K1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (lai số 0007089) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyệnTrần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyệnTrần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Hùng Quang